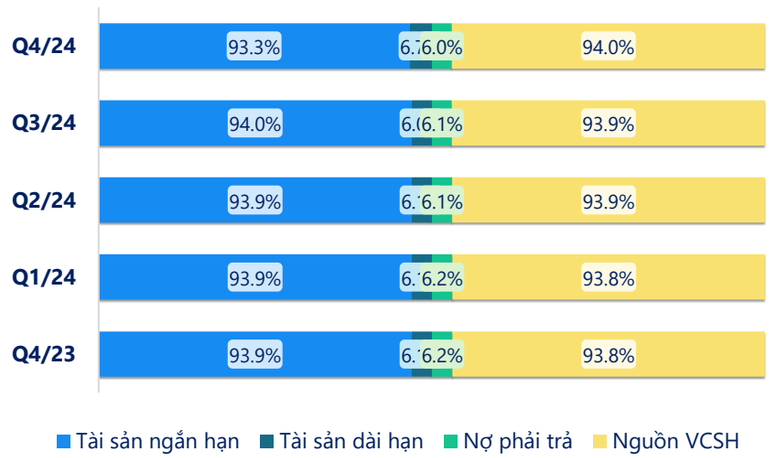
FireAnt

CTCP Tập đoàn MPT (UPCOM: MPT)

Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	500
SL cổ phiếu LH	17,107,164
KLGD BQ 20 phiên (CP)	19,320
% sở hữu nước ngoài	0.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	12
P/E	-0.7
EPS	-1,020

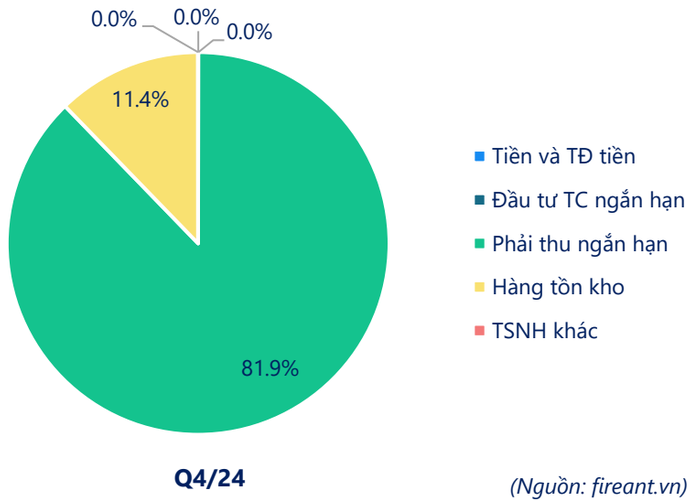
	YTD	1T	3T	6T
MPT	16.7%	40.0%	0.0%	
VNINDEX	2.1%	-0.2%	-1.3%	

Cơ cấu Tổng tài sản



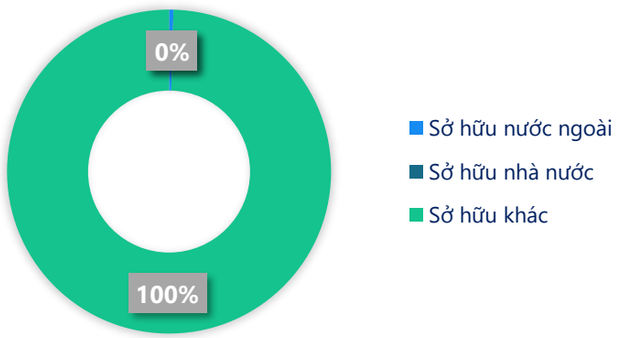
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



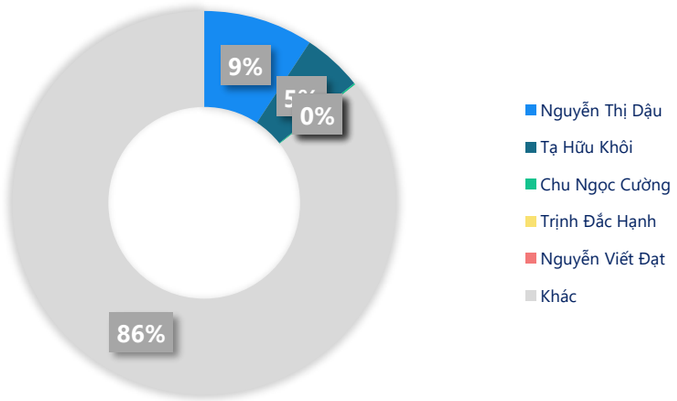
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



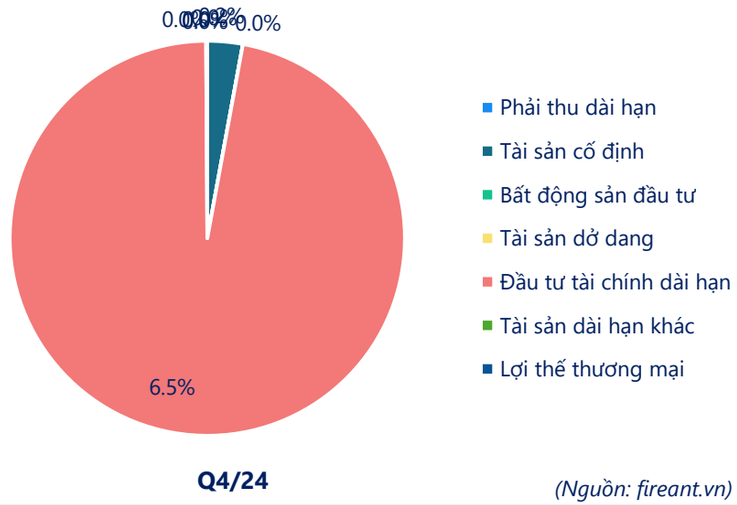
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

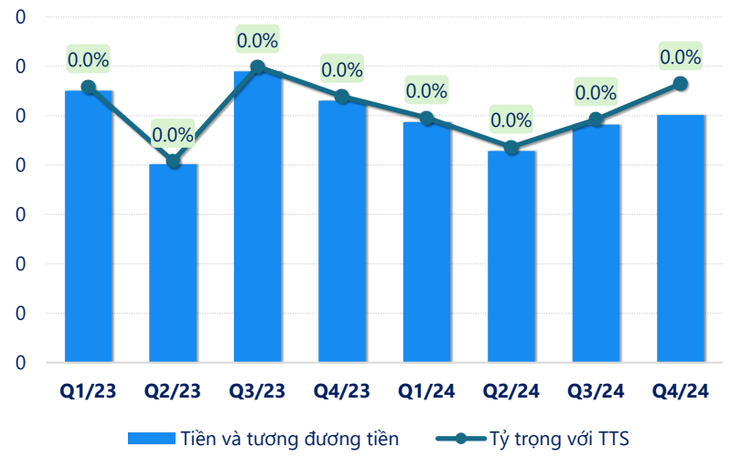


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

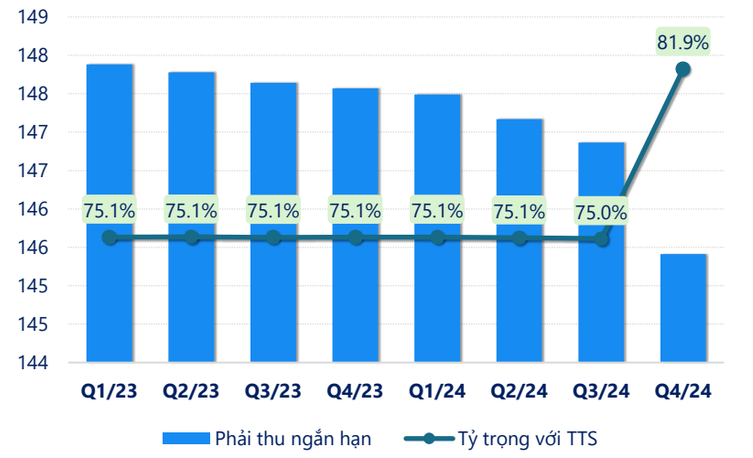
CTCP Tập đoàn MPT (UPCOM: MPT)

Tiền và tương đương tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



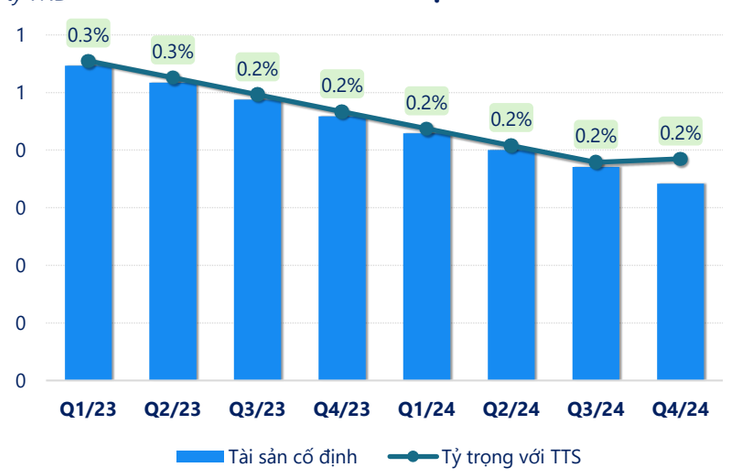
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



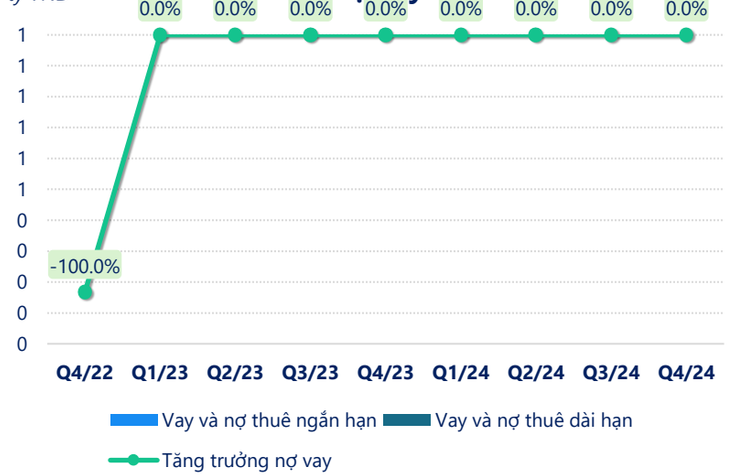
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



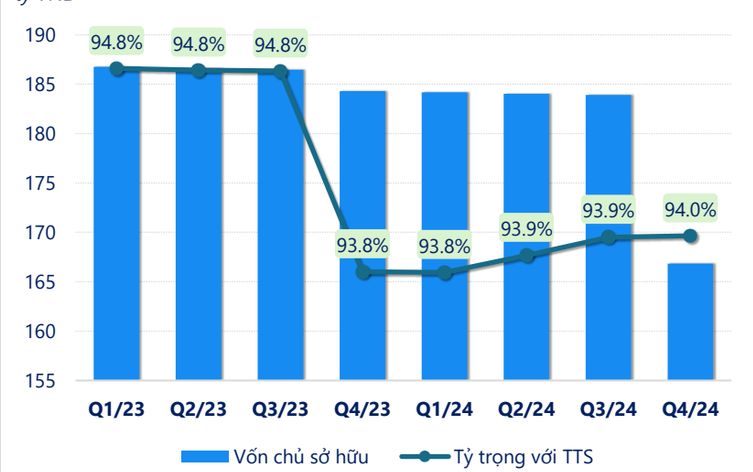
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

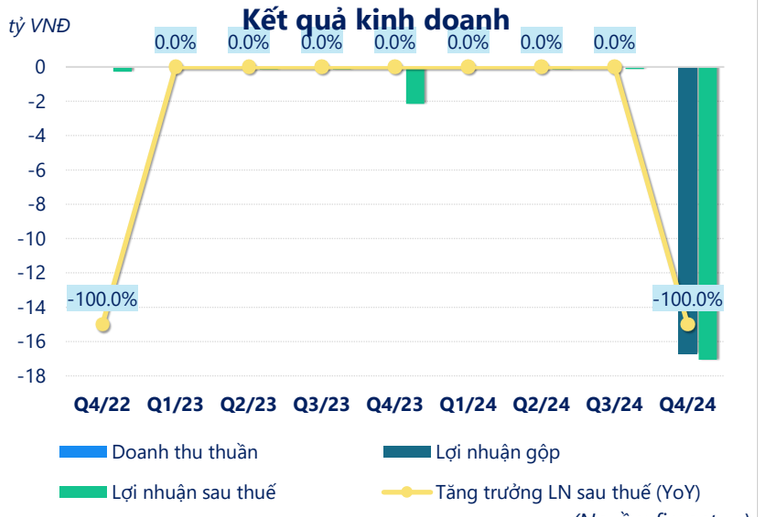
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

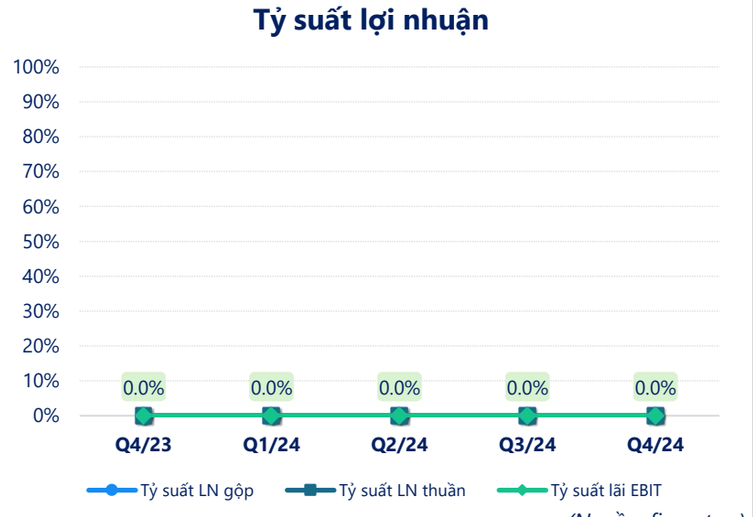
CTCP Tập đoàn MPT (UPCOM: MPT)

Kết quả kinh doanh



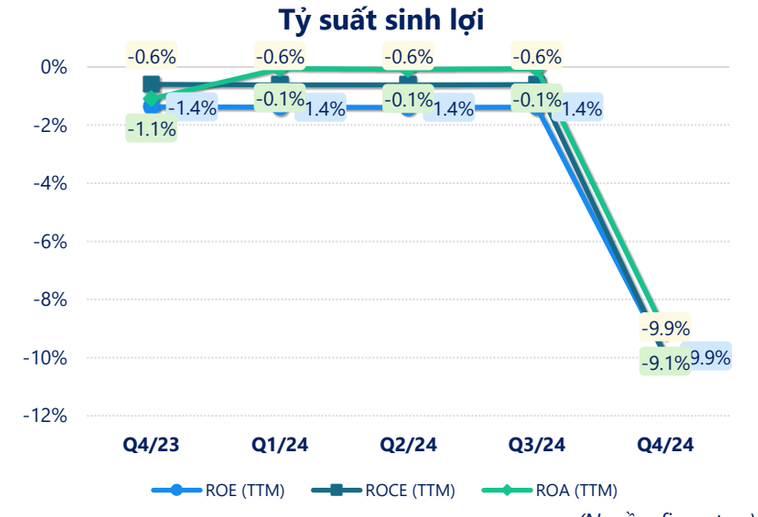
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



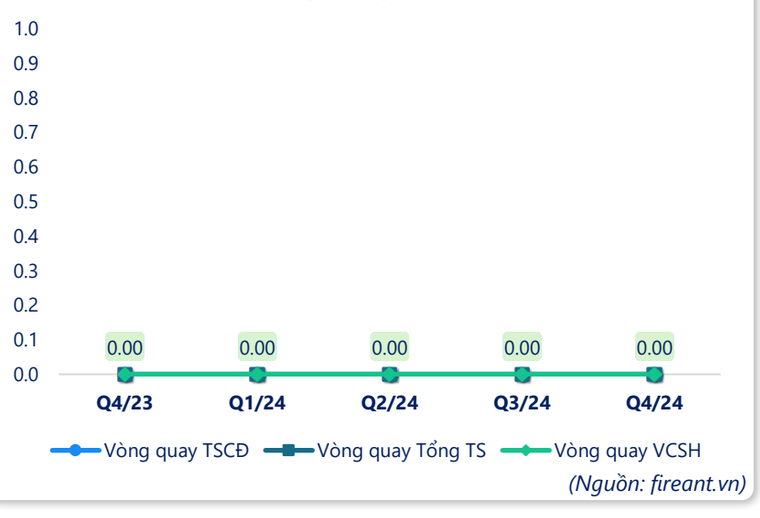
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



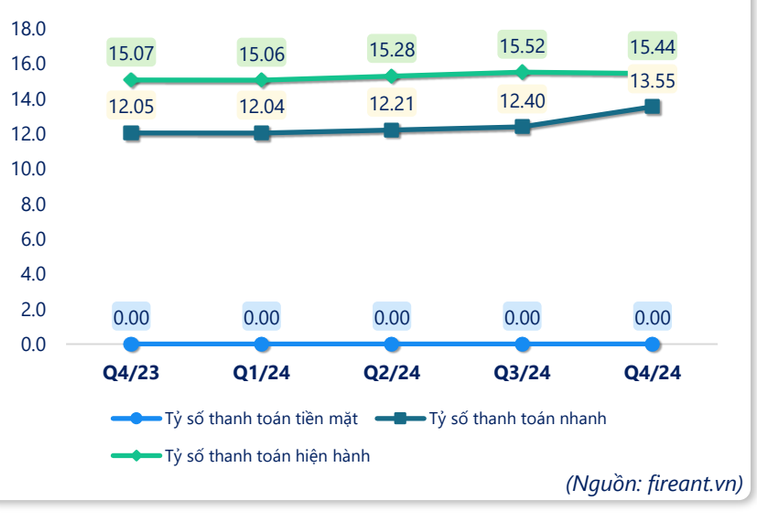
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



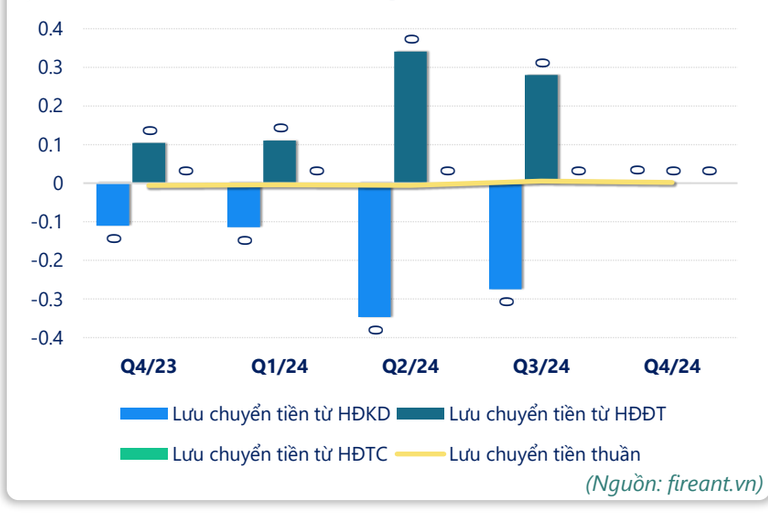
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Tập đoàn MPT (UPCOM: MPT)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**178**	**197**	**-9.7%**
Tài sản ngắn hạn	166	185	-10.2%
Tiền và tương đương tiền	0.05	0.05	-5.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	145	148	-1.5%
Hàng tồn kho	20.3	37.0	-45.2%
Tài sản ngắn hạn khác	0.02	0.01	95.5%
Tài sản dài hạn	**11.8**	**11.9**	**-0.9%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	0.34	0.46	-25.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	11.5	11.5	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0.01**	**0.00**	**178%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	10.7	12.3	-12.4%
Nợ ngắn hạn	**10.7**	**12.3**	**-12.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	7.44	8.65	-14.0%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**167**	**184**	**-9.5%**
Vốn chủ sở hữu	**167**	**184**	**-9.5%**
Vốn điều lệ	171	171	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	0	0	0	0	0
Giá vốn hàng bán	0	0	0	0	16.7
Lợi nhuận gộp	0	0	0	0	-16.7
Doanh thu HĐTC	0.02	0.02	0.01	0.00	0.00
Chi phí TC	0	0	0	0	0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	0.09	0.09	0.14	0.10	0.13
LN thuần từ HĐKD	-0.07	-0.08	-0.13	-0.10	-16.8
Lợi nhuận khác	-0.65	-0.03	-0.03	-0.03	-0.22
LN trước thuế	-0.72	-0.11	-0.16	-0.13	-17.1
Lợi nhuận sau thuế	-2.16	-0.11	-0.16	-0.13	-17.1
LNST của CĐ cty mẹ	-2.16	-0.11	-0.16	-0.13	-17.1

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.11	-0.11	-0.35	-0.27	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.10	0.11	0.34	0.28	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0.06	0.05	0.05	0.04	0.05
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.01**	**0.00**	**-0.01**	**0.01**	**0.00**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.05	0.05	0.04	0.05	0.05

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic